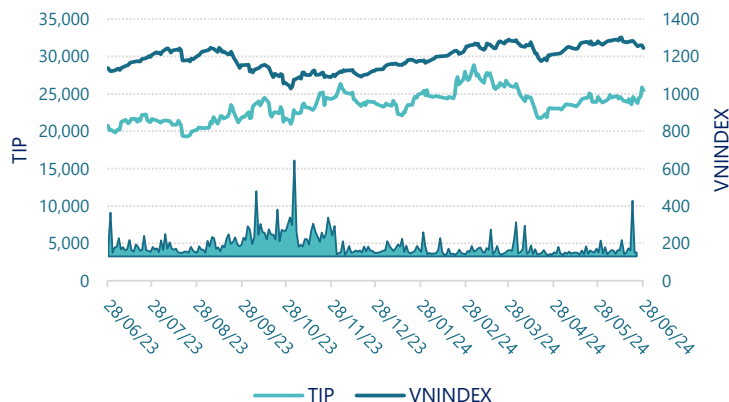


CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa (HSX: TIP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	25,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,846
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,279
SL cổ phiếu LH	65,007,857
KLGD BQ 20 phiên (CP)	451,680
% sở hữu nước ngoài	16.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,654
P/E	6.2
EPS	4,078

DT thuần

Q2/24

40.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.30 | 6.0%

YoY: ▲ 2.70 | 7.1%

LN sau thuế

Q2/24

68.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 39.9 | 142%

YoY: ▲ 54.0 | 386%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

208%

+/- YoY: ▲ 162%

DT thuần

6T 2024

79.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.30 | 13.4%

LN sau thuế

6T 2024

96.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 69.3 | 258%

ROE

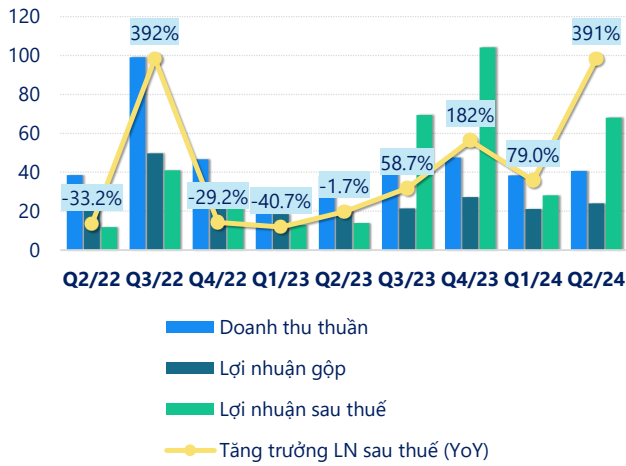
Q2/24

15.3%

+/- YoY: ▲ 7.5%

tỷ VNĐ

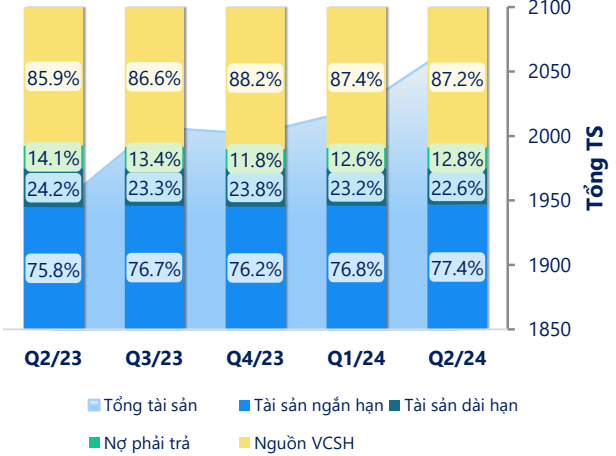
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

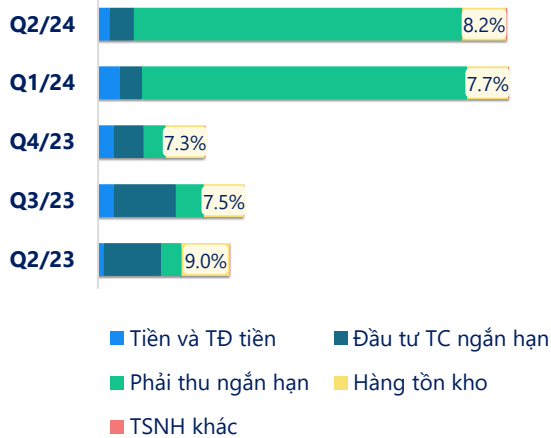
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



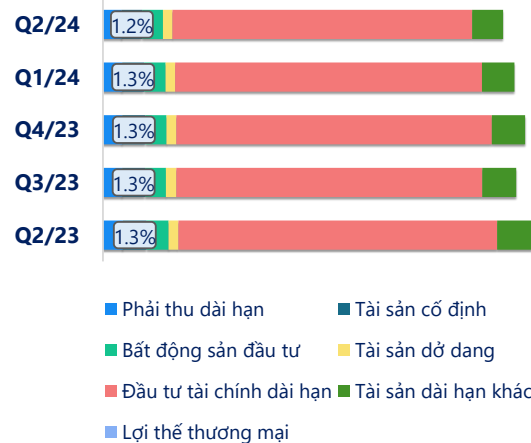
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

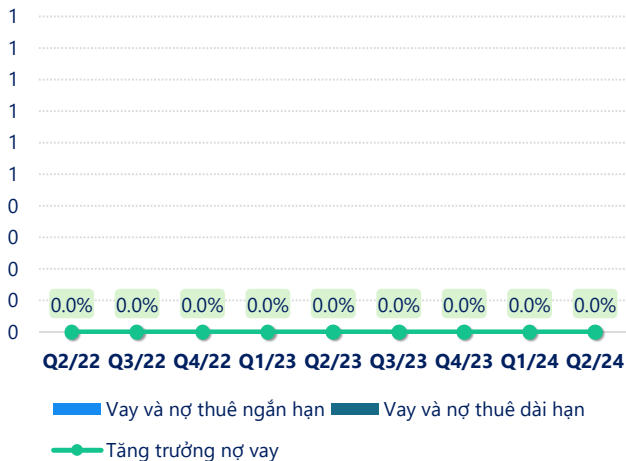
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

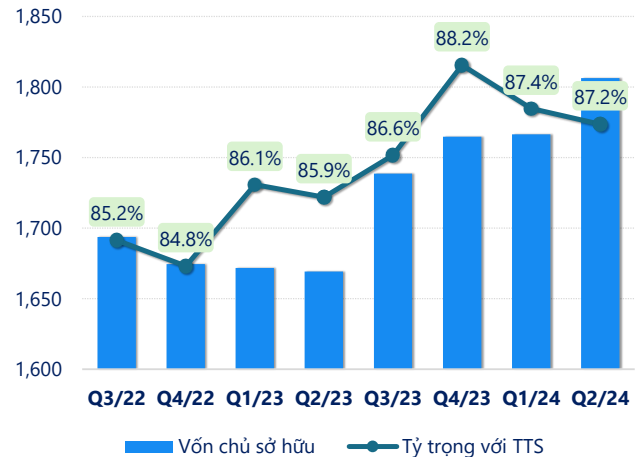
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

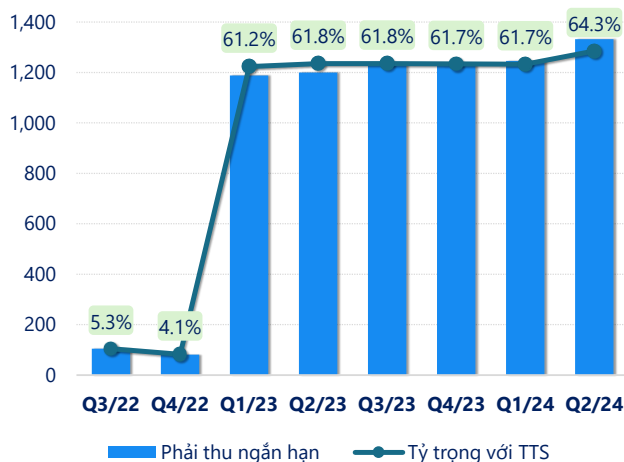
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



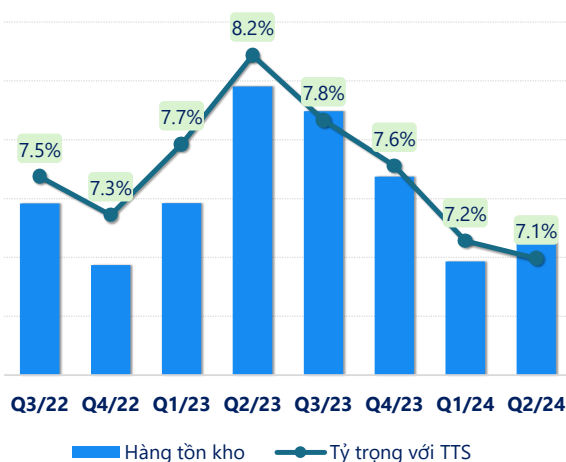
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


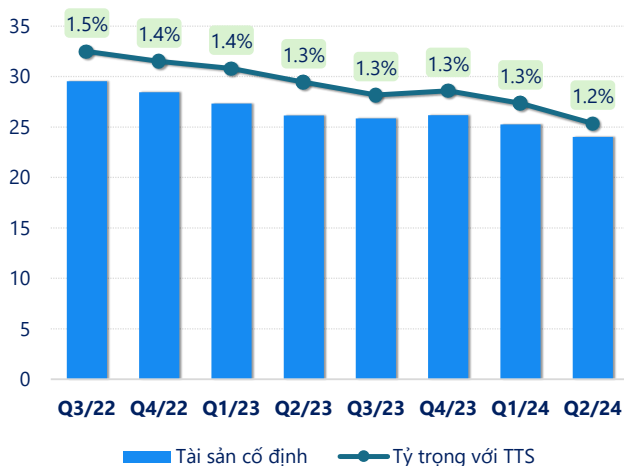
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


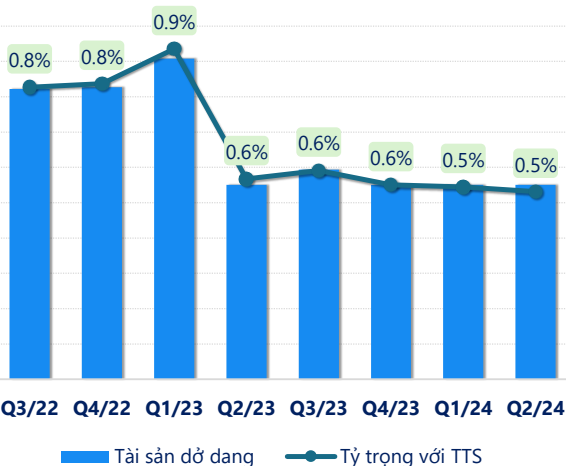
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

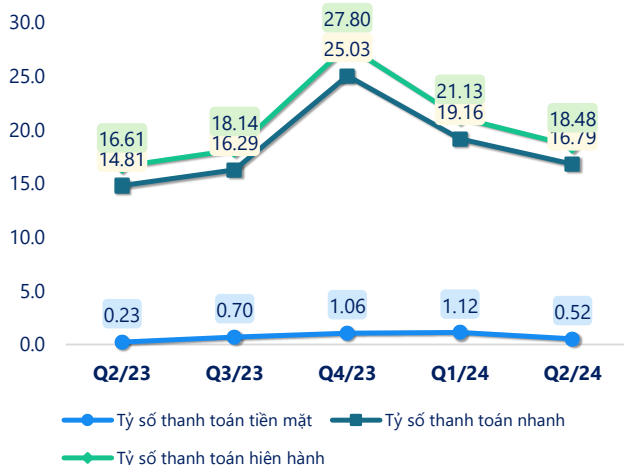
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

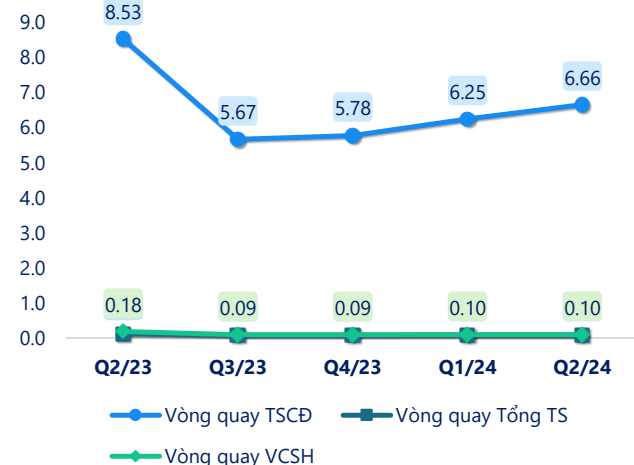
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	1,943	2,007	2,002	2,020	2,072
Tài sản ngắn hạn	1,472	1,539	1,525	1,551	1,604
Tiền và tương đương tiền	20.0	59.1	58.4	82.4	45.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	88.6	79.4	76.4	75.4	78.4
Phải thu ngắn hạn	1,200	1,240	1,236	1,246	1,332
Hàng tồn kho	160	157	152	145	146
Tài sản ngắn hạn khác	4.44	3.13	2.62	3.25	2.87
Tài sản dài hạn	470	468	477	469	468
Phải thu dài hạn	21.8	21.8	21.8	21.8	21.8
Tài sản cố định	26.2	25.9	26.2	25.3	24.0
Bất động sản đầu tư	23.8	23.5	23.8	24.3	24.5
Tài sản dở dang	11.0	11.9	11.0	11.0	11.0
Đầu tư tài chính dài hạn	349	346	356	350	350
Tài sản dài hạn khác	38.4	38.2	37.5	36.9	36.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	273	268	237	254	266
Nợ ngắn hạn	88.7	84.8	54.9	73.4	86.8
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	5.73	3.23	4.67	3.54	3.30
Nợ dài hạn	185	183	182	180	179
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,669	1,739	1,765	1,766	1,806
Vốn chủ sở hữu	1,669	1,739	1,765	1,766	1,806
Vốn điều lệ	650	650	650	650	650
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)